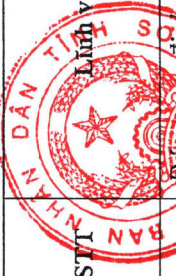


	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần							
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị sử nghiệp trực thuộc	1.00						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1.00						
	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc huyện: 0.5							
	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo vị sự nghiệp: 0.5							
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	4.00						
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1.00						
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1							
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0							
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1.00						
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1							
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0							
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	2.00						
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 2							
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 2.0}{10\%} \right]$							



Hình vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
4.3		2.00						
4.3.1		0.50						
Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành								
Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5								
Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0								
4.3.2		0.50						
Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp								
Có thực hiện: 0.5								
Không thực hiện: 0								
4.3.3		1.00						
Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1								
Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0								
4.4		2.00						
Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính								
4.4.1		1.00						DTXHH
Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND huyện, thành phố								
4.4.2		1.00						DTXHH
Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của huyện, thành phố								
5		13.50						
XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC								
5.1		1.00						
Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm								
Có thực hiện đúng quy định VT/VL: 1								
Không thực hiện đúng quy định VT/VL: 0								
5.2		1.00						
Tuyển dụng viên chức								
5.2.1		0.50						
Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã								

9

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
STT	 Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần Đúng quy định: 0.5 Không đúng quy định: 0							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập Đúng quy định: 0.5 Không đúng quy định: 0	0.50						
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính 100% số lãnh đạo phòng chuyên môn được bổ nhiệm đúng quy định: 0.5 100% số lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập được bổ nhiệm đúng quy định: 0.5	1.00						
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.50						
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định Đúng quy định: 0.5 Không đúng quy định: 0	0.50						
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5 Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên: 0,5	1.00						
5.5	Mức độ thực hiện thực hiện chính sách tính tiền biên chế trong năm đánh giá Thực hiện đảm bảo 100% theo kế hoạch: 1 Thực hiện dưới 100% theo kế hoạch: 0	1.00						

STT		Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số	Ghi chú
				Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được			
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$	1.00							
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0									
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã		2.00							
5.7.1	Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn	100% cán bộ đạt chuẩn: 1								
	Từ 90 đến dưới 100% cán bộ đạt chuẩn: 0,5									
	Dưới 90% cán bộ đạt chuẩn: 0									
5.7.2	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn	100% công chức đạt chuẩn: 1								
	Từ 90 đến dưới 100% công chức đạt chuẩn: 0,5									
	Dưới 90% công chức đạt chuẩn: 0									
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức		2.00							
5.8.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức		1.00							DTXHH
5.8.2	Tình công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức		1.00							DTXHH
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức		3.00							
5.9.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc		1.00							DTXHH
5.9.2	Tình thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc		1.00							DTXHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
5.9.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1.00						ĐTXHH
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	9.00						
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1.00						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
6.2	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện trong năm	0.50						
	Đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị: 0.5							
	Chưa xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị: 0							
6.3	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1.00						
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1							
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100} \right]$							
	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch: 0							
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00						
	100% kiến nghị được thực hiện: 1							
	Từ 80%- dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5							
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0							

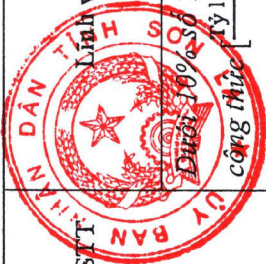


STT		Mức lệ/Tiêu chí/Thành phần		Điểm đánh giá thực tế					Ghi chú
				Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
6.5	Việc thực hiện định mức sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc			0.5					
	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0.5								
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0								
6.6	Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan chuyên môn cấp huyện, ĐVHC cấp xã			1.00					
	100% cơ quan, đơn vị có thực hiện tăng thu nhập: 1								
	Từ 70% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị có thực hiện tăng thu nhập: 0.5								
	Dưới 70% cơ quan, đơn vị không tăng thu nhập: 0								
6.7	Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc			0.50					
	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0.50								
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0								
6.8	Bảo cáo đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của UBND các huyện, thành phố; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thành phố			0.50					
	Bảo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn: 0.5								
	Bảo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định hoặc gửi sau thời hạn quy định: 0								
6.9	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công			3.00					
6.9.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị			1.00					ĐTXHH



STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
6.9.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1.00						ĐTXHH
6.9.3	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1.00						ĐTXHH
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	17.00						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	5.00						
7.1.1	Kết quả ứng dụng CNTT theo Bộ tiêu chí đánh giá ứng dụng mức độ ứng dụng CNTT	3.00						
	Đạt trên 90 điểm: 3							
	Từ 50 đến dưới 85 điểm thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Số điểm} \times 3.00}{90} \right]$							
	Dưới 50 điểm: 0							
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (Văn bản theo quy định áp dụng ký số)	2.00						
	Từ 80% số văn bản trở lên: 2.00							
	Từ 60% đến dưới 80% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản} \times 2.00}{80\%} \right]$							
	Dưới 60%: 0							
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.00						
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1.00						
	Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							

STC DAN TINH SON		Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
		Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định		Điều tra XHH	Điểm đạt được				
7.2.2		Tỷ lệ hồ sơ TTTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		1.00						Phạm vi thống kê đánh giá là các TTTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3
		Từ 40% số hồ sơ TTTHC trở lên: 1.00								
		Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTTHC được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{40\%} \right]$								
		Dưới 20% số hồ sơ TTTHC: 0								
7.2.3		Tỷ lệ hồ sơ TTTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4		1.00						Phạm vi thống kê đánh giá là các TTTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4
		Từ 30% số hồ sơ TTTHC trở lên: 1.00								
		Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTTHC được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{30\%} \right]$								
		Dưới 10% số hồ sơ TTTHC: 0								
7.3		Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)		2.50						Chỉ thống kê tỷ lệ trong tổng số TTTHC đã triển khai sử dụng dịch vụ BCCI
7.3.1		Tỷ lệ TTTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI		0.5						
		Từ 70% số TTTHC trở lên có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: 0.5								
		Từ 50% - dưới 70% số TTTHC có phát sinh hồ sơ: 0.3								
		Từ 20% - dưới 50% số TTTHC có phát sinh hồ sơ: 0.2							Phạm vi thống kê đánh giá là các TTTHC có phát sinh hồ sơ	
		Dưới 20% số TTTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0								
7.3.2		Tỷ lệ TTTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		1.00						
		Từ 10% số TTTHC trở lên: 1.00								

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	 Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần Dưới 10% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$							được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1.00						Phạm vi thống kê đánh giá là các TTHC có phát sinh hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI
	Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.00							
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$							
7.4	Áp dụng, duy trì, cải tiến và tự công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan	2.50						
7.4.1	Có công bố kịp thời hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 9001 áp dụng tại cơ quan, đơn vị	0.50						
7.4.2	Có tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm đảm bảo đúng quy định	0.50						
7.4.3	Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC	0.50						
7.4.4	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định	1.00						
	Từ 90% số đơn vị trở lên: 1							
	Từ 70% - dưới 90% số đơn vị: 0.5							
	Dưới 70% số đơn vị: 0							
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4.00						
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1.00						ĐTXHH

Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
7.5.2.1	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của cơ quan, đơn vị	1.00						DTXHH
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1.00						DTXHH
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1.00						DTXHH
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA HUYỆN, THÀNH PHỐ	13						
8.1	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện, thành phố	10.00						DTXHH
	Chỉ số SIPAS đạt từ 80% trở lên: 10							
	Chỉ số SIPAS đạt dưới 80% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Chỉ số SIPAS của đơn vị} \times 10}{80\%} \right]$							
8.2	Tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện	3.00						
8.2.1	Mức độ thu hút đầu tư của huyện, thành phố	1.00						
	Cao hơn so với năm trước liền kề: 1							
	Bằng so với năm trước liền kề: 0.5							
	Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0							
8.2.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo Kế hoạch được tỉnh giao	1.00						
	Vượt chỉ tiêu được giao: 1							
	Hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0.5							
	Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
8.2.3	Đội tuyển, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp Có thực hiện: 0.5	0.50						
	Không thực hiện đầy đủ: 0							
8.2.4	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Có thực hiện: 0.5	0.50						
	Không thực hiện đầy đủ: 0							
	TỔNG ĐIỂM	100.00						